

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC -
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

QUÝ IV/ 2022

(Điều chỉnh lần 1)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.290.441.834	108.099.827.667
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.102.807.840	8.216.520.756
1. Tiền	111		11.102.807.840	8.216.520.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.200.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5.200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.110.910.157	83.723.733.081
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	71.493.737.335	75.956.481.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.623.907.184	303.446.084
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.000.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	20.993.265.638	5.963.805.767
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		19.072.918.835	14.750.181.324
1. Hàng tồn kho	141	V.7	19.072.918.835	14.750.181.324
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.803.805.002	1.409.392.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.858.928.801	17.124.667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.388.766.343	727.420.203
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	556.109.858	664.847.636
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		385.795.994.837	377.321.492.531
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		254.406.824.063	260.944.713.962
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	251.976.629.144	258.480.455.990
- Nguyên giá	222		426.488.057.811	411.399.781.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.511.428.667)	(152.919.325.740)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.430.194.919	2.464.257.972
- Nguyên giá	228		2.693.601.620	2.693.601.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(263.406.701)	(229.343.648)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		127.503.519.157	109.739.771.384
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	127.503.519.157	109.739.771.384
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.885.651.617	6.637.007.185
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.885.651.617	6.637.007.185
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		521.086.436.671	485.421.320.198

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		128.616.927.263	96.065.157.313
I. Nợ ngắn hạn	310		116.796.607.263	90.500.245.313
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45.394.948.014	16.932.806.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.050.859.549	17.197.792.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.031.203.956	1.749.337.096
4. Phải trả người lao động	314	V.15	5.112.394.435	4.039.376.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.274.361.513	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	23.249.517.515	1.385.304.287
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	31.988.789.904	47.022.744.283
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	694.532.377	2.172.884.377
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.820.320.000	5.564.912.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	11.820.320.000	5.564.912.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		392.469.509.408	389.356.162.885
I. Vốn chủ sở hữu	410		392.469.509.408	389.356.162.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	248.782.914.060	248.782.914.060
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		248.782.914.060	248.782.914.060
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	21.574.804.853	19.497.316.329
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	4.339.525.410	5.395.169.111
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	5.395.169.111
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.339.525.410	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.20a	117.772.265.085	115.680.763.385
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		521.086.436.671	485.421.320.198

Hậu Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023


Trần Hồng Đăng
Kế toán trưởng


Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp	01	VI.1	79,120,597,701	60,921,146,516	279,019,117,238	226,082,960,336
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và	10		79,120,597,701	60,921,146,516	279,019,117,238	226,082,960,336
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	68,589,053,637	56,866,976,404	232,621,396,209	193,944,824,410
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	20		10,531,544,064	4,054,170,112	46,397,721,029	32,138,135,926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,660,056	3,448,403	18,366,206	58,757,748
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	739,054,795	934,220,090	2,584,941,099	3,655,823,113
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		739,054,795	934,220,090	2,584,941,099	3,655,823,113
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25			-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11,210,995,160	6,417,096,699	37,235,353,969	24,300,281,213
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		(1,411,845,835)	(3,293,698,274)	6,595,792,167	4,240,789,348
12. Thu nhập khác	31	VI.6	624,054,235	5,638,237,312	1,749,471,351	6,397,782,021
13. Chi phí khác	32	VI.7	89,912,122	141,587,549	160,816,399	954,110,894
14. Lợi nhuận khác	40		534,142,113	5,496,649,763	1,588,654,952	5,443,671,127
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(877,703,722)	2,202,951,489	8,184,447,119	9,684,460,475
16. Chi phí thuế thu nhập doanh	51	V.13	71,545,615	(965,900,997)	1,651,856,551	1,374,506,379
17. Chi phí thuế thu nhập doanh	52			-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		(949,249,337)	3,168,852,486	6,532,590,568	8,309,954,096
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(949,249,337)	3,168,852,486	6,532,590,568	8,309,954,096
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-



Trần Hồng Đăng
Kế toán trưởng

Hậu Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023



Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		64,161,038,605	58,800,713,178
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34,981,447,026)	(17,761,588,301)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11,590,591,092)	(6,630,267,293)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.4	(739,054,795)	(957,899,422)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	-	(1,000,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28,353,928,040	78,179,884,412
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(43,879,426,988)	(83,583,839,171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,324,446,744	27,047,003,403
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,422,471,676)	(22,500,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
			12,080,537	5,996,134
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
			500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	6,425,150	27,330,254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(903,965,989)	10,826,388

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a,b	8,277,869,269	2,823,639,444
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a,b	(13,826,049,215)	(27,871,939,185)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19d	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(5,548,179,946)</u>	<u>(25,048,299,741)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5,127,699,191)	2,009,530,050
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16,230,507,031	4,720,753,855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>11,102,807,840</u>	<u>6,730,283,905</u>

Hậu giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023


Trần Hồng Đăng
Kế toán trưởng


Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý cung cấp nước sạch, vệ sinh công nghiệp và xây dựng hệ thống cấp, thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và hai công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long	Đường Nguyễn Trung Trực, ấp Nhơn Thuận 1A, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sủi và điều hòa không khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang	Số 3, đường số 4, Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường VII, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	Thoát nước và xử lý nước thải	100%	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 615 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 601 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Công ty Cổ phần thông tin và Thâm định giá Tây Nam Bộ. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm bắt đầu từ tháng 12 năm 2012.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40
Máy móc và thiết bị	04 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ gồm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	215.111.248	13.041.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.887.696.592	8.203.479.690
Cộng	11.102.807.840	8.216.520.756

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-
Cộng	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-

Khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng có giá trị là 5.200.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>286.115.869</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam	286.115.869	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>71.207.621.466</i>	<i>75.956.481.230</i>
Phòng quản lý Đô thị thành phố Ngã Bảy	18.510.866.000	24.877.596.000
Phòng quản lý Đô thị thành phố Vị Thanh	16.846.602.432	18.196.037.929
Các khách hàng khác	35.850.153.034	32.882.847.301
Cộng	71.493.737.335	75.956.481.230

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Chiêu sáng Đô thị Nichi Việt Nam	164.551.200	-
Công ty Cổ phần Thành An Bình Phước	-	95.700.000
Các nhà cung cấp khác	1.459.355.984	207.746.084
Cộng	1.623.907.184	303.446.084

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho bên liên quan vay</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam vay (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>
Cho Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thành Công vay	-	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

(*) Là khoản cho vay tiền để thực hiện di dời 02 đường ống cung cấp nước sinh hoạt liên quan đến dự án BOT quốc lộ 1, Cần Thơ - Phụng Hiệp. Hiện khoản kinh phí di dời này, đang được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận hỗ trợ kinh phí theo Văn bản số 569/UBND-KH ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	272.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	272.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.993.265.638	-	5.691.805.767	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	85.892.295	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	19.255.898.123	-	5.482.019.435	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.651.475.220	-	209.786.332	-
Cộng	20.993.265.638	-	5.963.805.767	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.775.448.963	-	7.862.344.557	-
Công cụ, dụng cụ	148.816.120	-	291.182.534	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.148.653.752	-	6.596.654.233	-
Cộng	19.072.918.835	-	14.750.181.324	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	342.412.730	17.124.667
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.515.372.391	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.143.680	-
Cộng	2.858.928.801	17.124.667

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.462.845.582	2.056.536.406
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	998.666.768	2.062.607.267
Lợi thế kinh doanh	-	1.915.059.920
Chi phí trả trước dài hạn khác	424.139.267	602.803.592
Cộng	3.885.651.617	6.637.007.185

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 23.269.534.031 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a và V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.693.601.620
Số cuối năm	2.693.601.620
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	60.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	229.343.648
Khấu hao trong năm	34.063.053
Số cuối năm	263.406.701
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.464.257.972
Số cuối năm	2.430.194.919

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.430.194.919 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang (xem thuyết minh V.18a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	7.698.156.526	(7.698.156.526)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	109.739.771.384	24.780.095.096	(7.016.347.323)	127.503.519.157
- Công trình xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Vị Thanh	15.319.465.180	-	-	15.319.465.180
- Công trình xây dựng Nhà máy nước Sông Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	11.703.657.502	-	-	11.703.657.502
- Công trình khoan giếng ngầm ứng phó nước mặn xâm nhập	17.184.391.181	-	-	17.184.391.181
- Công trình xây dựng Nhà máy nước huyện Long Mỹ	17.892.588.003	-	-	17.892.588.003
- Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xử lý bãi rác thải Kinh Cưng	46.837.852.245	-	-	46.837.852.245

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
- Các công trình khác	801.817.273	24.780.095.096	(7.016.347.323)	18.565.565.046
Cộng	109.739.771.384	32.478.251.622	(14.714.503.849)	127.503.519.157

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	165.820.856	2.016.257.373
Công ty TNHH Xây dựng Huyền Vũ Nguyên	-	2.293.371.300
Công ty TNHH MTV Trường Chinh	-	2.181.507.400
Công ty TNHH MTV Hòa Bình	5.830.200.000	-
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị NTN	4.808.224.800	-
Công ty TNHH Thương mại Thanh Dung	10.669.633.748	-
Các nhà cung cấp khác	23.921.068.610	10.441.670.564
Cộng	45.394.948.014	16.932.806.637

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	9.142.495.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam	-	9.142.495.300
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	2.050.859.549	8.055.297.000
Công ty TNHH Đầu tư Bất Động Sản Bình Long House	-	6.950.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	848.465.828	-
Các khách hàng khác	1.202.393.721	1.105.297.000
Cộng	2.050.859.549	17.197.792.300

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	991.046.730	-	2.442.433.016	(2.492.924.254)	950.774.492	10.219.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	664.847.636	1.651.856.551	-	1.532.899.773	545.890.858
Thuế thu nhập cá nhân	13.298.765	-	738.333.926	(719.152.792)	32.479.899	-
Thuế tài	-	-	631.649.680	(631.649.680)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
nguyên						
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	695.129.798	(695.129.798)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	744.991.601	-	8.505.152.945	(8.735.094.754)	515.049.792	-
Cộng	1.749.337.096	664.847.636	14.664.555.916	(13.273.951.278)	3.031.203.956	556.109.858

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu từ dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh, chiếu sáng Không chịu thuế
- Doanh thu từ dịch vụ cung cấp nước sạch 5%
- Doanh thu từ dịch vụ công ích thu gom, xử lý rác thải, dịch vụ xây lắp và các dịch vụ khác(*) 10%

(*) Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang

Công ty xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2021, Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước, vệ sinh đô thị do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long

Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, như sau:

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm và được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đồng thời, Công ty nộp thuế thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

doanh nghiệp với thuế suất 17% trong 10 năm và được miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Năm 2022 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang	118.956.778	1.374.506.379
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long	-	-
Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang	1.532.899.773	-
Cộng	<u>1.651.856.551</u>	<u>1.374.506.379</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế như sau:

- Nước mặt: 4.000 VND/m³ với thuế suất 1%;
- Nước dưới đất: 6.000 VND/m³ với thuế suất 5%.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đang sử dụng tại thị xã Long Mỹ, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy và thành phố Vị Thanh theo các hợp đồng thuê.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. **Phải trả người lao động**
Tiền lương còn phải trả người lao động.

16. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí công trình trích trước	2.584.663.719	-
Chi phí dịch vụ công ích trích trước	2.689.697.794	-
Cộng	5.274.361.513	-

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	9.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam - Tiền mượn	9.750.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	13.499.517.515	1.385.304.287
Kinh phí công đoàn	43.872.400	-
Ủy ban nhân dân Thành phố Ngã Bảy (*)	10.966.614.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	163.434.538	128.653.607
Phải trả tiền thu phí nước thải	3.509.398	3.509.400
Phải trả phí dịch vụ môi trường rừng	168.055.680	160.655.040
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.154.031.499	1.092.486.240
Cộng	23.249.517.515	1.385.304.287

(*) Khoản tiền hỗ trợ theo Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Ngã Bảy về việc bồi thường đường ống cấp nước thuộc dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.899.461.904	43.620.224.283
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang ⁽ⁱ⁾	18.372.685.279	19.292.997.748
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang ⁽ⁱⁱ⁾	7.526.776.625	24.327.226.535
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b)	6.089.328.000	3.402.520.000
Cộng	31.988.789.904	47.022.744.283

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất thị trường, thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo lãi suất thị trường, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (xem thuyết minh số V.2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	43.620.224.283	80.786.782.098	-	(98.507.544.477)	25.899.461.904
Vay dài hạn đến hạn trả	3.402.520.000	-	6.089.328.000	(3.402.520.000)	6.089.328.000
Cộng	47.022.744.283	80.786.782.098	6.089.328.000	(101.910.064.477)	31.988.789.904

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác		
Vay dài hạn ngân hàng	11.820.320.000	5.564.912.000
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang ⁽ⁱ⁾	9.044.960.000	3.197.182.000
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang ⁽ⁱⁱ⁾	1.800.400.000	1.069.250.000
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	781.600.000	1.040.800.000
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô ^(iv)	193.360.000	257.680.000
Cộng	11.820.320.000	5.564.912.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang chi tiết như sau: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang: vay để thực hiện công trình hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt Quốc lộ 1, với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh mỗi tháng 01 lần, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 8 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).

Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long: vay để mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang để mua sắm phương tiện vận tải, với lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm hoặc theo giấy nhận nợ từng thời điểm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cần Thơ để mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô để mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân là 7,9%/năm, thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	6.089.328.000	3.402.520.000
Trên 1 năm đến 5 năm	11.820.320.000	5.564.912.000
Cộng	<u>17.909.648.000</u>	<u>8.967.432.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.564.912.000	5.947.182.000
Số tiền vay phát sinh	13.380.790.000	3.267.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.036.054.000)	(246.750.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(6.089.328.000)	(3.402.520.000)
Số cuối năm	<u>11.820.320.000</u>	<u>5.564.912.000</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.516.166.164	1.120.623.102	(2.142.364.000)	494.425.266
Quỹ phúc lợi	349.963.955	1.120.623.101	(1.381.014.256)	89.572.800
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	306.754.258	3.687.582	(199.907.529)	110.534.311
Cộng	<u>2.172.884.377</u>	<u>2.244.933.785</u>	<u>(3.723.285.785)</u>	<u>694.532.377</u>

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

(*) Chi tiết số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo từng công trình trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xử lý bãi rác thải Kinh Cùng	52.014.731.400	49.923.229.700
- Công trình khoan giếng nước ngầm ứng phó xâm nhập mặn	18.867.531.000	18.867.531.000
- Công trình nhà máy nước Long Mỹ	17.892.588.003	17.892.588.003
- Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh	15.319.465.180	15.319.465.180
- Các công trình khác	13.677.949.502	13.677.949.502
Cộng	<u>117.772.265.085</u>	<u>115.680.763.385</u>

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam	127.198.280.000	127.198.280.000
Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang	115.259.630.000	115.259.630.000
Các cổ đông khác	6.325.004.060	6.325.004.060
Cộng	<u>248.782.914.060</u>	<u>248.782.914.060</u>

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.878.291	24.878.291
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.878.291	24.878.291
- Cổ phiếu phổ thông	24.878.291	24.878.291
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.878.291	24.878.291
- Cổ phiếu phổ thông	24.878.291	24.878.291
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã phân phối trong năm trước</u>	<u>Số phân phối trong năm nay</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	3.265.811.960	-	3.265.811.960
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.077.488.524	-	2.077.488.524
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.842.004.301	2.803.413.411	38.590.890
• Trích quỹ thưởng người quản lý	124.649.311	122.956.728	1.692.583

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đồng thời, Công ty mẹ đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 với số tiền 1.040.283.473 VND theo các tờ trình đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

Và trong năm, Công ty mẹ đã chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi cổ tức	3.231.031.029	4.894.952.986

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	91.107.787	91.107.787
Trên 1 năm đến 5 năm	304.506.373	304.506.373
Trên 5 năm	2.093.906.992	2.185.014.779
Cộng	<u>2.489.521.152</u>	<u>2.580.628.939</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 13.349,7 m² đất tại phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 47.427.034 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2009 đến ngày 27 tháng 4 năm 2059.
- Tổng số tiền thuê 343,4 m² đất tại ấp Hòa Phụng B, thị trấn Kinh Cù, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 2.455.310 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2009 đến ngày 27 tháng 4 năm 2059.
- Tổng số tiền thuê 1.987 m² đất tại ấp 5, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 10.152.886 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 16 tháng 11 năm 2012 đến ngày 16 tháng 11 năm 2062.
- Tổng số tiền thuê 17.831,4 m² đất tại xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 6.018.098 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 14 tháng 07 năm 2015 đến ngày 14 tháng 7 năm 2065.
- Tổng số tiền thuê 11.152,5 m² đất tại ấp Mỹ Hiệp, xã Tân Tiến, thành phố Vị thanh, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 25.054.459 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến ngày 10 tháng 8 năm 2020.

21b. Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số lượng</u>	<u>Chủng loại</u>	<u>Phẩm chất</u>
Khai thác các giếng ngầm để chủ động ứng phó xâm nhập mặn ^(*)	09	Giếng ngầm	Đang hoạt động

^(*) Tài sản nhận giữ hộ theo Công văn số 1879/UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân</u>
Khách lẻ	99.122.968	99.122.968	Không có khả năng thu hồi
Cộng	99.122.968	99.122.968	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động cung cấp nước	101.985.511.336	96.518.057.489
Doanh thu hoạt động thuê bao đô thị	114.761.337.683	104.128.871.031
Doanh thu hợp đồng xây dựng	57.510.233.337	18.308.066.439
Doanh thu hoạt động lắp đặt	1.500.909.950	1.275.225.830
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.166.776.893
Doanh thu cung cấp dịch vụ	516.564.816	-
Doanh thu bán điện	471.758.700	584.498.862
Doanh thu hoạt động khác	2.272.801.416	3.101.463.792
Cộng	279.019.117.238	226.082.960.336

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ với Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây lắp Miền Nam với số tiền là 31.737.476.851 VND (năm trước là 418.632.000 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cung cấp nước	82.807.949.110	80.458.136.519
Giá vốn hoạt động thuê bao đô thị	93.615.240.299	93.492.711.824
Giá vốn hợp đồng xây dựng	52.588.324.887	14.619.598.637
Giá vốn hoạt động lắp đặt	3.315.006.058	3.257.942.797
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	2.116.434.633
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	294.875.855	-
Cộng	232.621.396.209	193.944.824.410

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi từ tiền phạt do quá hạn ứng trước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ	3.712.000	45.646.397

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.654.206	13.111.351
Cộng	18.366.206	58.757.748
4. Chi phí tài chính		
Là chi phí lãi vay Ngân hàng.		
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17.349.732.559	13.438.649.199
Chi phí vật liệu quản lý	589.643.495	754.843.522
Chi phí đồ dùng văn phòng	911.859.686	427.353.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.630.662.873	965.371.180
Thuế, phí và lệ phí	886.017.592	874.360.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.550.273	739.386.852
Dự phòng trợ cấp thôi việc	475.715.146	275.000.000
Các chi phí khác	13.587.172.345	6.825.316.471
Cộng	37.235.353.969	24.300.281.213
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập nhận hỗ trợ từ dự án Water WorX	1.104.500.000	4.679.984.761
Thu nhập từ tiền hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước	159.383.694	1.652.658.142
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	388.488.186	-
Các khoản thu nhập khác	97.099.471	65.139.118
Cộng	1.749.471.351	6.397.782.021
7. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	84.467.334	511.957.464
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	29.034.495
Các chi phí khác	76.349.065	413.118.935
Cộng	160.816.399	954.110.894
8. Lãi trên cổ phiếu		
8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	6.532.590.568	8.309.954.096
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.234.145.974)	(2.803.413.410)
Trích thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(97.988.859)	(122.956.729)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.200.455.735	5.383.583.957
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.878.291	24.878.291
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	169	216

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành, quản lý năm nay được tạm tính theo phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2022 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.094.885.329	39.772.124.751
Chi phí nhân công	79.872.246.962	69.155.584.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.768.476.870	19.558.498.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.996.134.948	53.373.431.159
Chi phí khác	29.677.005.588	46.148.703.532
Cộng	<u>275.408.749.697</u>	<u>228.008.342.495</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Tập đoàn cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (năm trước là thu hoàn ứng 1.131.337.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát của Công ty mẹ:

<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
-------------------	----------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Huỳnh Thông Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	542.400.000	542.400.000
Ông Dương Văn Thọ - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	337.332.000	337.332.000
Ông Bùi Trọng Lực - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	310.800.000	84.324.000	395.124.000
Ông Quách Minh Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	276.060.000	84.324.000	360.384.000
Ông Vũ Minh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	276.060.000	84.324.000	360.384.000
Ông Cao Thế Khải - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	276.060.000	84.324.000	360.384.000
Ông Huỳnh Trung Tín - Thành viên Hội đồng quản trị	-	84.324.000	84.324.000
Ông Lý Thanh Quang - Trưởng Ban kiểm soát	-	345.864.000	345.864.000
Bà La Thụy Phiêng - Thành viên Ban kiểm soát	-	75.564.000	75.564.000
Bà Bùi Thị Thu Oanh - Thành viên Ban kiểm soát	-	75.564.000	75.564.000
Cộng	1.138.980.000	1.798.344.000	2.937.324.000
Năm trước			
Ông Huỳnh Thông Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	533.896.000	533.896.000
Ông Dương Văn Thọ - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	421.668.000	421.668.000
Ông Bùi Trọng Lực - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	388.781.016	84.324.000	473.105.016
Ông Quách Minh Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	345.870.528	84.324.000	430.194.528
Ông Vũ Minh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	345.870.528	84.324.000	430.194.528
Ông Huỳnh Trung Tín - Thành viên Hội đồng quản trị	-	84.324.000	84.324.000
Ông Cao Thế Khải - Thành viên Hội đồng quản trị	-	84.324.000	84.324.000
Ông Lê Hồng Thắm - Phó Tổng Giám đốc	345.870.528	-	345.870.528
Ông Lý Thanh Quang - Trưởng Ban kiểm soát	-	337.632.000	337.632.000
Bà La Thụy Phiêng - Thành viên Ban kiểm soát	-	75.564.000	75.564.000
Bà Bùi Thị Thu Oanh - Thành viên Ban kiểm soát	-	75.564.000	75.564.000
Cộng	1.749.902.592	1.865.944.000	3.615.846.592

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam
Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp nước sạch và thuê bao đô thị. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hậu Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Trần Hồng Đăng
Kế toán trưởng



Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG


Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

						Đơn vị tính: VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	96,166,404,491	40,498,893,254	272,587,804,258	187,272,727	1,959,407,000	411,399,781,730
Mua trong kỳ		3,995,612,795	6,693,276,669			10,688,889,464
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		833,402,843	4,481,894,683			5,315,297,526
Thanh lý trong kỳ	(915,910,909)					(915,910,909)
Số cuối kỳ	95,250,493,582	45,327,908,892	283,762,975,610	187,272,727	1,959,407,000	426,488,057,811
Trong đó:						31,440,801,311
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2,242,197,814	7,660,502,834	21,538,100,663			-
Chờ thanh lý						-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	38,654,028,903	14,690,206,706	99,557,370,808	14,119,323	3,600,000	152,919,325,740
Khấu hao trong kỳ	4,192,690,580	3,015,091,769	14,369,016,030	11,704,548	3,600,000	21,592,102,927
Số cuối kỳ	42,846,719,483	17,705,298,475	113,926,386,838	25,823,871	7,200,000	174,511,428,667
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	57,512,375,588	25,808,686,548	173,030,433,450	173,153,404	1,955,807,000	258,480,455,990
Số cuối kỳ	52,403,774,099	27,622,610,417	169,836,588,772	161,448,856	1,952,207,000	251,976,629,144
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-


Trần Hồng Đăng
Kế toán trưởng

Hậu Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023


Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	248,782,914,060	16,354,024,178	8,096,132,566	109,072,082,385	382,305,153,189
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ trước	-	-	-	6,608,681,000	6,608,681,000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	8,309,954,096	-	8,309,954,096
Trích lập các quỹ	-	3,143,292,151	(6,069,662,290)	-	(2,926,370,139)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(4,941,255,261)	-	(4,941,255,261)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Giảm nguồn do cắt giảm chi phí công trình	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	<u>248,782,914,060</u>	<u>19,497,316,329</u>	<u>5,395,169,111</u>	<u>115,680,763,385</u>	<u>389,356,162,885</u>
Số dư đầu năm nay	248,782,914,060	19,497,316,329	5,395,169,111	115,680,763,385	389,356,162,885
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6,532,590,568	-	6,532,590,568
Nguồn kinh phí được cấp kỳ	-	-	-	2,091,501,700	2,091,501,700
Trích lập các quỹ	-	2,077,488,524	(4,322,422,309)	-	(2,244,933,785)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(3,265,811,960)	-	(3,265,811,960)
Giảm nguồn do cắt giảm chi phí công trình theo quyết toán	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	<u>248,782,914,060</u>	<u>21,574,804,853</u>	<u>4,339,525,410</u>	<u>117,772,265,085</u>	<u>392,469,509,408</u>

Hậu Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023


Trần Hồng Đăng
Kế toán trưởng




Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc